TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 407/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Nguyễn Quang Hiển.

- *T ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – T ký TAND huyện G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Chị Bùi Thị H, sinh năm 1992**; Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non Phù Đổng; HKTT: Thôn X, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay tại nhà bố mẹ đẻ: Xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. "Có mặt"

* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1991**; Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2024, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1991 có tìm hiểu nhau khoảng 4 năm và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 15/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sinh sống cùng với gia đình nhà chồng ở địa chỉ Thôn X, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H bỏ bê vợ con để đi sống với người phụ nữ khác ở bên ngoài khi tôi mang bầu con thứ 3 được khoảng 3-4 tháng, lúc đó có tôi mẹ chồng tôi, em chồng tôi đến nơi mà chồng tôi và người phụ nữ kia sinh sống. Tôi, gia đình hai bên và bạn bè có khuyên nhủ để anh H quay về gia đình H anh H không nghe, vẫn

bỏ đi sống với người phụ nữ khác. Khoảng tháng 8 cùng năm đó tôi có chuyển về nhà ngoại ở xã P, huyện G, thành phố Hà Nội sinh sống đến nay. Đầu năm 2023 anh H bỏ người phụ nữ kia và quay về, tôi đã cho anh H cơ hội để hàn gắn. Tôi cũng chuyển về nhà chồng sống cùng anh H cho các con có bố có mẹ. Thế nH đỉnh điểm là vào đêm ngày 02/7/2024 do anh H và tôi có xích mích, mâu thuẫn cãi nhau, anh H chưa tìm hiểu kỹ sự việc đã đánh tôi. Tôi không thể chấp nhận được và đã đưa 03 con về lại nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng tôi lại chính thức ly thân lần 2 từ tháng 7 năm 2024 đến nay. Anh H cũng không phụ tôi về kinh tế để nuôi con. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Tôi và anh H có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M T, sinh ngày 29/12/2015; cháu Nguyễn Ngọc Huyền A, sinh ngày 04/6/2019 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/7/2020. Hiện tại cả 3 con đều ở cùng tôi tại nhà bố mẹ đẻ tôi tại xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Nguyện vọng của tôi là được nuôi cả ba con. Về điều kiện nuôi con: Bố mẹ tôi còn trẻ khỏe; ông bà đồng ý tạo điều kiện về nơi ăn, chốn ở và giúp đỡ tôi đưa đón, chăm sóc các cháu ăn uống học hành. Tôi đang là giáo viên mầm non tại trường Mầm non Phù Đổng, thu nhập khoảng 6.500.000 đồng/tháng. Ngoài ra tôi có kinh doanh thêm online bên ngoài thu nhập khoảng 15.000.000 đồng – 20.000.000 đồng/tháng. Nhà đất thì cha mẹ đẻ tôi sinh được 2 người con gái, bố mẹ tôi đất rộng khoảng hơn 100m2, khi tôi ly hôn xong bố mẹ tôi có hướng tạo lập chỗ ở cho tôi và các con, hiện nay tôi và 3 con vẫn sống cùng bố mẹ đẻ tôi. Tôi thấy mình có đủ điều kiện để nuôi ba con. Anh H trước đây thì bỏ đi với người phụ nữ khác, nay quay về cũng không chăm sóc các con là mấy. Từ xưa đến nay chỉ một mình tôi chăm sóc, lo ăn uống chi tiêu và đóng học phí cho các con. Do vậy, mong Tòa xem xét giao cả ba con cho tôi nuôi để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Tôi không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân H vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử như sau: Tôi và vợ của tôi là chị H đã đăng ký kết hôn vào năm 2015. Đến nay trong quá trình về chung sống chúng tôi đã có 03 con và trong cuộc sống đã có những mâu thuẫn khó giải quyết. Vợ tôi muốn ly hôn H tôi không muốn ly hôn với vợ tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện G thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng

quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Chị H được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Chị H và anh H có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M T, sinh ngày 29/12/2015; cháu Nguyễn Ngọc Huyền A, sinh ngày 04/6/2019 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 27/7/2020. Khi ly hôn giao cả ba con cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Vụ án thụ lý từ ngày 08/7/2024, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nhận định về tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền loại việc của Tòa án. Về thẩm quyền theo lãnh thổ: Anh H là bị đơn có đăng ký hộ khẩu Tòng trú tại Thôn X, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện G thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Nhận định về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân H: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ.

[3]. Nhận định về tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn ngày 15/6/2015 tại UBND xã T, huyện G, thành phố Hà Nội, có xuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản chính, đủ cơ sở kết luận đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị H, ông Bùi Đức S bà Vũ Thị M là bố mẹ đẻ của chị H và chính quyền địa phương cùng xác nhận vợ chồng chị H và anh H mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2020 dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau, anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn khó giải quyết, nên tình tiết này được ghi nhận. Xét vợ chồng chị H anh H có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị H được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Nhận định về con chung vợ chồng: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Xuân H có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M T sinh ngày 29/12/2015m cháu Nguyễn Ngọc Huyền A sinh ngày 04/6/2019 và cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 27/7/2020 thể hiện bằng bản sao giấy khai sinh. Hiện cả ba cháu đều đang sống với chị H được thể hiện bằng bản tự khai của chị H, ông Đức bà M - bố mẹ đẻ của chị H, cháu T – con gái chị H và tài liệu chính quyền địa phương cung cấp nên được ghi nhận. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cả 03 con, cháu T trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với chị H. Xét chị H có nơi sinh sống ở ổn định, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, chị H đang nuôi cả 3 con, anh H không trình bày nguyện vọng về nuôi con, nên xét giao 3 con cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho 03 cháu theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Nhận định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Nhận định về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị H được chấp nhận, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

+ Các Điều 28, 35, 39, 227, 271, 273, 277, khoản 4 Điều 147, của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H đối với anh Nguyễn Xuân H. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Xuân H có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc M T sinh ngày 29/12/2015, cháu Nguyễn Ngọc Huyền A sinh ngày 04/6/2019 và cháu Nguyễn Gia H sinh ngày 27/7/2020. Khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Ngọc M T, cháu Nguyễn Ngọc Huyền A và cháu Nguyễn Gia H cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu T, cháu Huyền A và cháu H đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng

nuôi con của anh H cho chị H cho đến khi cháu T, cháu Huyền A và cháu H đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Nguyễn Xuân H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Bùi Thị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0004302 ngày 04/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Bùi Thị H có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Xuân H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND h. G;
-Chi cục THADS h. G;
-TANDTP. Hà Nội;
-VKSNDTP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
-Lưu văn phòng;
-UBND xã T, huyện G, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 23 ngày 15/6/2015).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên Hương